TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 306/2023/HC-PT
Ngày: 05/9/2023.
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long

ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 176/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 91/2023/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3025/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Phạm Xuân T.

Địa chỉ: số B đường H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Công V - Phó Chủ tịch UBND huyện C (theo văn bản uỷ quyền số 1251/GUQ-UBND ngày 10/4/2023). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Xuân D - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: số A đường H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trương Thị N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số B đường H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Bà N uỷ quyền cho ông T (theo văn bản uỷ quyền ngày 14/8/2023).

4. Người kháng cáo: người bị kiện UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông*** Phạm Xuân T ***trình bày:***

Về nguồn gốc sử dụng đất: năm 2006, gia đình ông nhận chuyển nhượng thửa đất tại tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk với diện tích là 6,5m x 35m và xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất. Khi xây dựng thì không bị cơ quan Nhà nước nào lập biên bản vi phạm.

Năm 2019, Nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân thì gia đình ông đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ791383, thửa đất số 04, tờ bản đồ số 03 và đã được chỉnh lý với kích thước và diện tích 159,25m^2, trong đó chiều rộng là 6,5m, chiều dài là 24,5m.

Hiện nay, đường H nối dài từ ngã ba đường K, thị trấn Q đến xã E, huyện C có dự án mở rộng mặt đường 32m, mà trục đường mở rộng này có gia đình ông đang sinh sống nên một phần diện tích nhà bị giải tỏa, cụ thể là hơn 41m^2, trên đất có nhà, có tường xây cao trên 4m, sơn nước, móng đá hộc giằng bê tông cốt thép, có kèo sắt, xà gồ sắt, mái lợp tôn, có cửa chính ra vào, giếng nước ăn sâu 32m, rộng 01m, có hệ thống thoát nước dưới nền nhà.

Theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành Quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì phần kết cấu như trên của gia đình ông là nhà ở nhưng cơ quan chức năng ghi trong biên bản kiểm đếm là mái che và đã tính tiền bồi thường cho gia đình ông: 2.082.000đồng là không thỏa đáng. Ông cho rằng tài sản của ông là nhà ở và phải được bồi thường, hỗ trợ theo giá nhà ở. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: đường H nối dài đối với hộ ông Phạm Xuân T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải ban hành lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo đúng thực trạng tài sản của hộ ông.

**** Người bị kiện*** UBND huyện C ***do ông*** Nguyễn Công V - ***Phó Chủ tịch UBND huyện đại diện trình bày:***

Trên cơ sở Biên bản kiểm kê tài sản của hộ ông Phạm Xuân T do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện cùng các cơ quan, đơn vị liên quan lập; Bản tự kê khai tài sản của hộ ông T và các giấy tờ pháp lý liên quan đến thửa đất của hộ gia đình. Sau

khi thực hiện công khai và kết thúc công khai lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để thực hiện dự án theo quy định, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện đã hoàn chỉnh hồ sơ và trình các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định và thống nhất trình UBND huyện C xem xét ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường H nối dài theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Trong đó, đối với ông Phạm Xuân T, nội dung phương án cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đất bị thu hồi là 45,7m^2; phần diện tích đất này nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 791383 được UBND huyện C cấp cho ông Phạm Xuân T và bà Trương Thị N ngày 31/12/2019 và nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông đường tỉnh lộ 8 (32m). Đối chiếu giữa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà N và trích lục bản đồ thu hồi đất cho thấy vị trí diện tích đất thiệt hại (thu hồi) 45,7m^2 nằm trong chỉ giới quy hoạch đất giao thông của đường H, thị trấn Q, huyện C. Hay nói cách khác: diện tích đất 45,7m^2 nằm ngoài vị trí, ranh giới, diện tích đất mà ông T và bà N đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 791383.

- Về đất: theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 thì hộ gia đình ông T không đủ điều kiện bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây lâu năm với diện tích 45,7m^2 (tỷ lệ phần trăm được hỗ trợ là 80%) với số tiền được hỗ trợ về đất: 2.010.800đồng, là phù hợp theo quy định tại tiết 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đ.

- Về tài sản, vật kiến trúc trên đất gồm: mái che khung thép hình cột thép tròn phi 50mm, mái lợp tôn thiếc, nền lót gạch cêramic 40x40, móng đá học VXM, mác 50 với diện tích 41,54m^2, có tường xây gạch ống dày 10 cm, trụ 20x20 có giằng bê tông cốt thép, chiều cao bình quân 4,0 m, có sơn nước không bả matít diện tích 6,2m (xây dựng năm 2006).

Toàn bộ tài sản trên đất phải giải tỏa của hộ ông T xây dựng sau ngày 15/10/1993, trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất, nằm trong hành lang an toàn giao thông (nằm ngoài diện tích đã được UBND huyện Cư M'gar cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 791383) nên không được bồi thường về tài sản là đúng theo quy định tại Điều 88 của Luật Đất đai 2013 và cũng không được hỗ trợ là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại tiết c Điểm 4 khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 27 nói trên.

Trên cơ sở kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của các cơ quan, đơn vị liên quan, ngày 31/12/2021, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3197/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây

dựng công trình đường H nối dài trong đó có hộ gia đình ông T là đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Ngày 21/6/2022, ông T có đơn khiếu nại gửi UBND huyện C với nội dung thay đổi khái niệm từ nhà sang mái che. Ngày 14/7/2022, UBND huyện C tiếp tục nhận được đơn khiếu nại của ông T cũng với nội dung đề nghị giải quyết bồi thường cho gia đình ông 4m^2 nhà ở, trong toàn bộ hồ sơ bồi thường xác định là mái che.

Sau khi nhận đơn, UBND huyện C đã giao cho các cơ quan của huyện tiến hành thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông T theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Quá trình xác minh giải quyết, ngày 06/9/2022, tổ xác minh của huyện gồm đại diện các cơ quan chuyên môn có liên quan, trong đó có phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (quản lý lĩnh vực xây dựng) thống nhất kết luận như sau: "Kết quả kiểm tra hiện trạng cho thấy khối lượng, chất lượng, chủng loại, tài sản vật kiến trúc hoàn toàn trùng khớp và đúng theo Biên bản kiểm kê số 142 ngày 30/11/2020 do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện lập. Tổ xác minh thấy hiện trạng tài sản phải giải tỏa để xây dựng đường H của hộ ông T là mái che, chứ không phải nhà ở".

Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện là cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước về xây dựng cũng đã khẳng định tài sản của hộ ông T phải giải tỏa là mái che chứ không phải nhà ở (Công văn số 133/KTHT-TLĐ ngày 20/9/2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện C). Trong quá trình kê khai kiểm đếm thì ông T và gia đình đều thống nhất phần tài sản phải giải tỏa là mái che chứ không phải nhà ở và không có bất kỳ ý kiến thắc mắc gì. Cụ thể là trong Bản tự kê khai ngày 30/11/2020 do ông T tự kê khai và ký tên nộp cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, ông T cũng kê khai tài sản phải giải tỏa là mái che chứ không phải nhà ở. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Xuân T.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:***

Trước khi tiến hành kiểm kê thì ông T đã tự kê khai tài sản. Đối với Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành Quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là xác định giá chứ không nêu định nghĩa nhà và mái che nên không thể lấy Quyết định trên làm căn cứ xác định công trình trên là nhà ở như người khởi kiện trình bày. Quá trình tham khảo cơ quan chuyên môn thì phần tài sản trên đất có kết cấu đơn giản, tạm thời, tách biệt với nhà ở của hộ ông T. Gia đình ông T tận dụng phần hành lang an toàn giao thông đường tỉnh lộ 8 trong thời gian Nhà nước chưa sử dụng làm mái che và để chứa một số vật dụng tạm thời thì có xây tường bảo vệ. Do đó, để nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà*** Trương Thị N ***trình bày:*** đồng ý với quan điểm trình bày của ông T và không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 91/2023/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng Hành chính; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đ; khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T.

- Hủy một phần Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: đường H nối dài của Ủy ban nhân dân huyện C, phần nội dung hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc đối với hộ ông Phạm Xuân T để hỗ trợ lại theo đúng quy định.

- Hủy Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Xuân T.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông Phạm Xuân T 300.000đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0022825 ngày 28/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk.

Ngày 05/7/2023, người bị kiện UBND huyện C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện C và Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND huyện C giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện UBND huyện C cho rằng: công trình ông T xây dựng năm 2006 trên đất lấn chiếm đất hành lang an toàn giao thông không phải là nhà ở; ông T xây dựng nhằm mục đích kinh doanh ống nước, chứa đựng hàng hoá nên căn cứ đoạn 2 tiết c điểm 4 khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đ thì trường hợp này không được hỗ trợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm: về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND huyện C, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của người bị kiện UBND huyện C đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông Phạm Xuân T; giữ nguyên Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: đường H nối dài, phần nội dung hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc đối với hộ ông Phạm Xuân T và Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Xuân T. Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 3 tại thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đăk Lăk có nguồn gốc do ông Phạm Xuân T nhận chuyển nhượng năm 2006. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông T xây nhà và sử dụng đất ổn định từ năm 2006 đến nay. Thực hiện dự án đường H nối dài (đoạn đường K, thị trấn Q đến xã E), Ủy ban nhân dân huyện C đã tiến hành thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân, trong đó: hộ ông T bị thu hồi diện tích 41,54m^2 đất. Ngày 31/12/2021, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3197/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường H nối dài, huyện C. Do phần diện tích đất bị thu hồi nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 791383 được UBND huyện C cấp cho ông Phạm Xuân T, bà Trương Thị N ngày 31/12/2019 và nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông đường tỉnh lộ 8 quy định là 32m, được phê duyệt tại Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 28/9/2005 của UBND tỉnh Đ nên UBND huyện C không bồi thường về đất mà chỉ hỗ trợ số tiền 2.010.800đồng.

[1.2] Đối với công trình xây dựng trên đất: căn cứ Bản kê khai do ông T lập ngày 30/11/2020 và Biên bản kiểm kê số 142 ngày 30/11/2020 có chữ ký của ông T đều thể hiện nội dung tài sản, vật kiến trúc trên phần đất bị thu hồi gồm: mái che khung thép hình, lợp tôn thiếc, tường rào móng xây đá hộc, tường xây gạch ống, có giằng bê tông cốt thép, nền lát gạch ceramic, giếng đào và 02 ống nhựa. Ngày 06/9/2022, tổ xác minh của UBND huyện C đã tiến hành xác minh tại phần đất bị thu hồi và khẳng định tài sản, vật kiến trúc trên đất trùng khớp với Bản kê khai và Biên bản kiểm kê số 142 nói trên. Tại phiên toà phúc thẩm, một lần nữa ông T xác nhận phần công trình xây dựng trên đất lấn chiếm đất hành lang an toàn giao thông ông sử dụng để kinh doanh, chứa đựng hàng hoá. Đồng thời, tại các bản ảnh chụp công trình xây dựng trên diện tích đất bị thu hồi cũng cho thấy ông T sử dụng làm nơi chứa đựng hàng hoá để buôn bán. Mặc dù công trình ông T xây dựng có mái che, tường rào móng xây đá hộc, tường xây gạch ống, nền và giếng nước nhưng xây dựng trên đất lấn chiếm đất hành lang an toàn giao thông. Hơn nữa, công trình này không phải xây dựng với mục đích để ở và phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình ông T mà ông chỉ sử dụng vào mục đích kinh doanh. Do đó, không có căn cứ để xác định tài sản, vật kiến trúc nêu trên là nhà ở. Việc ông T xây dựng công trình trên đất quy hoạch chỉ giới hành lang an toàn giao thông để kinh doanh là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào đoạn 2 tiết c điểm 4 khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ thì hộ ông T không được xem xét hỗ trợ đối với công trình xây dựng trên diện tích đất bị

thu hồi. Xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là không đúng quy định của pháp luật.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị kiện UBND huyện C cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Đối với Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông T, ông T không khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết nhưng Quyết định này có liên quan đến Quyết định hành chính bị kiện nên Toà án cấp sơ thẩm xem xét tuyên xử huỷ Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 14/12/2022. Nay, Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên cần giữ nguyên Quyết định này.

[4] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên UBND huyện C không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C; sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T về việc yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: đường H nối dài của Ủy ban nhân dân huyện C, phần nội dung hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc đối với hộ ông Phạm Xuân T để hỗ trợ lại theo đúng quy định.

- Hủy Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Xuân T.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho UBND huyện C số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Toà án số 0003776 ngày 06/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk. Ông Phạm Xuân T phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0022825 ngày 28/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đăk Lăk;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên